

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH Trường THPT DTNT N'Trang Long

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN SINH LỚP 10 TRƯỜNG PT DTNT
Nam học: 2026-2027

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ nơi đăng ký thường trú *	Thời gian cư trú ở vùng quy định	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	ĐTB Lớp 9	Toán, Văn Lớp 9	Ghi chú
1	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG TRINH	16/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Bon Rơ Sông, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	16/02/2011	1,0	0,5	40,0	41,5	8,9	17,3	
2	VÕ ANH KIẾT	21/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	Bon B' Srê B, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	21/02/2011	1,0	0,5	40,0	41,5	8,1	16,1	
3	MÙA A PHÚ	22/11/2010	Sơn La	Nam	MÔNG	Thôn Phú Vinh, Xã Quảng Phú, Tỉnh Lâm Đồng	01/03/2013	1,0	0	40,0	41,0	9,6	18,8	
4	ĐẶNG THỊ HOÀI NGÂN	08/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Dao	Thôn Thái học, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng	08/04/2011	1,0	0	40,0	41,0	8,7	15,3	
5	H' QUỲNH	22/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	Bon Kala Dong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	40,0	41,0	8,6	17,7	
6	ĐỖ NGỌC QUỲNH ANH	09/05/2011	Thanh Hóa	Nữ	Mường	Bon Păng Xuôi, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	09/05/2011	1,0	0	40,0	41,0	8,6	16,8	
7	H' NGUYỄN	10/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	M' Nong	Bon BuJri, Xã Đăk Song, Tỉnh Lâm Đồng	10/01/2011	1,0	0	40,0	41,0	8,5	16,5	
8	THỊ MỸ HẰNG	22/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Bu Đăch, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	22/12/2011	1,0	0	40,0	41,0	8,5	16,3	
9	LINH THANH GIANG	09/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn Thanh Sơn, Xã Đăk Săk, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	40,0	41,0	8,5	16,1	
10	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂN	30/04/2011	TP. Cần Thơ	Nữ	Kinh	Bon B' Plao, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng		0	0	40,0	40,0	8,7	17,5	
11	TRIỆU VƯỜN ON	15/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Dao	Thôn 18, Xã Đăk Mil, Tỉnh Lâm Đồng	09/10/2012	1,0	0	39,0	40,0	8,7	16,6	
12	NÔNG NGỌC PHƯƠNG THÚY	19/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	TDP 3 Đăk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	39,0	40,0	8,5	17,3	
13	MA TRẦN KIM NGỌC	24/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Chu Ru	Bon B' Srê B, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	24/09/2011	1,0	0	39,0	40,0	8,4	16,2	
14	LƯƠNG THỊ NGỌC LAN	10/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	Thôn Đăk Hợp, Xã Đăk Săk, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	39,0	40,0	8,4	15,0	
15	KA HUYỀN NHI	15/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	Bon B'Tong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	39,0	40,0	8,2	16,7	
16	ĐẶNG THỊ THẢO VY	23/10/2011	Gia Lai	Nữ	Tày	Bon Rbut, Xã Quảng Sơn, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	38,0	39,0	8,7	16,4	
17	K' TUYẾN	15/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Mạ	TDP S' Rê Ú, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	38,0	39,0	8,7	16,6	
18	TRIỆU THỊ BÍCH PHƯỢNG	02/10/2011	Đăk Lăk	Nữ	Dao	Bon Dìng Plei, Xã Trường Xuân, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	38,0	39,0	8,5	17,5	
19	PHẠM PHAN DIỄM QUỲNH	21/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Thôn 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng		0	0	39,0	39,0	8,4	17,3	
20	HÀ THỊ QUỲNH TRANG	06/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Quảng Hợp, Xã Quảng Sơn, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	38,0	39,0	8,4	16,8	
21	K' JIM	05/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Mạ	Bon B'Plao, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	38,0	39,0	8,3	16,6	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ nơi đăng ký thường trú *	Thời gian cư trú ở vùng quy định	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	ĐTB Lớp 9	Toán, Văn Lớp 9	Ghi chú
22	SÙNG A VÀNG	05/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Mông	TDP 5 Đăk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng	05/01/2011	1,0	0	38,0	39,0	8,3	16,4	
23	VI THỊ NGUYỆT ĐÔNG	20/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	Bon Me Ra, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	38,0	39,0	8,1	15,5	
24	H' THẢO SANAR	20/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	bon Phi Gle, Xã Quảng Sơn, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	38,0	39,0	8,1	15,8	
25	TRẦN HÀ THANH THẢO	23/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Bon Đăk Huýt, Xã Quảng Trục, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	38,0	39,0	8,0	16,9	
26	H' NGỌC VY	08/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	bon B'Tong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	38,0	39,0	7,7	15,2	
27	ĐINH THỊ HẢI VÂN	05/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	bon Bu Koh, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	16/05/2019	1,0	0	37,0	38,0	8,4	16,1	
28	TRƯƠNG THỊ KIỀU OANH	01/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	TDP 4 Đăk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	37,0	38,0	8,3	16,2	
29	LƯƠNG VIỆT BẮC	16/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Thái	Thôn Nam Thanh, Xã Đăk Săk, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	37,0	38,0	8,3	16,1	
30	CHU THỊ HỒNG DIỆP	04/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn Đăk Sơn, Xã Đăk Săk, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	37,0	38,0	8,3	14,5	
31	NGUYỄN THỊ THUẬN G	18/02/2011	Đăk Lăk	Nữ	Kinh	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	04/06/2019	1,0	0	37,0	38,0	8,1	16,3	
32	LINH ĐÀM YẾN NHI	03/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn 4, Xã Quảng Sơn, Tỉnh Lâm Đồng	11/09/2012	1,0	0	37,0	38,0	8,1	15,7	
33	NGUYỄN TƯỜNG QUÂN	29/04/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Bon B' Sre B, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	22/10/2022	1,0	0	37,0	38,0	8,1	14,7	
34	TRẮNG A HOÀ	07/10/2008	Lào Cai	Nam	Mông	thôn 6, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	01/07/2016	1,0	0	37,0	38,0	8,0	15,6	
35	PHÙNG THỊ KIM PHƯỢNG	20/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	TDP Ting Wêl Đăng, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	37,0	38,0	8,0	15,2	
36	THẢO THỊ THU HÀ	01/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	01/03/2011	1,0	0	37,0	38,0	7,9	15,6	
37	H' TIỀN	28/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	Bon B' Tong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	37,0	38,0	7,5	14,1	
38	NÔNG THỊ PHƯƠNG LOAN	24/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn Sơn Hà, Xã Đăk Săk, Tỉnh Lâm Đồng	24/08/2011	1,0	0	37,0	38,0	7,3	13,6	
39	HÀU THỊ MAI	27/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	Bán Giang Châu, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	8,0	16,1	
40	THÁI HỮU TUỆ	22/03/2011	Đăk Lăk	Nữ	Kinh	Xã Quảng Trục, Tỉnh Lâm Đồng		0	0	37,0	37,0	8,0	15,6	
41	NÔNG KHANG KHẢI	26/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	Tổ dân phố Đồng Tiến, Phường Đồng Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	8,0	15,6	
42	H - DIỆP	20/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	M' Nong	Thôn A3, Xã Đăk Song, Tỉnh Lâm Đồng	20/04/2011	1,0	0	36,0	37,0	8,0	15,6	
43	THẢO THỊ LAN	08/03/2011	Thái Nguyên	Nữ	Mông	Thôn 11, Xã Quảng Hòa, Tỉnh Lâm Đồng	14/07/2011	1,0	0	36,0	37,0	8,0	15,5	
44	HÀ TRUNG QUYỀN	19/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	Bon Bu Đách, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	19/06/2011	1,0	0	36,0	37,0	8,0	15,3	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ nơi đăng ký thường trú *	Thời gian cư trú ở vùng quy định	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	ĐTB Lớp 9	Toán, Văn Lớp 9	Ghi chú
45	H TRẦN	24/01/2010	Lâm Đồng	Nữ	M' NÔNG	TDP Phai Kol Pru Đăng, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng	24/01/2010	1,0	0	36,0	37,0	8,0	14,9	
46	HÀ THU HUƠNG	29/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	TDP S' Rê Ú, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	8,0	14,8	
47	H' TÌNH DĂNG	13/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	TDP Tinh Wel Đom, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	8,0	14,7	
48	VI THỊ ÁNH TUYẾT	07/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn Đắc Sơn, Xã Đắc Sắk, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	8,0	14,6	
49	HOÀNG QUỐC VIỆT	05/05/2011	TP. Đồng Nai	Nam	Tày	Thôn Nam Xuân, Xã Đắc Sắk, Tỉnh Lâm Đồng	22/02/2023	1,0	0	36,0	37,0	8,0	14,6	
50	LƯU THỊ HOÀI THUẬN G	01/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn Sơn Hà, Xã Đắc Sắk, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	8,0	13,9	
51	PHẠM NGỌC MINH	19/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	19/04/2023	1,0	0	36,0	37,0	7,9	15,6	
52	VÒNG KIỀU PHƯƠNG	05/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	TDP 8 Đắc Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,9	15,3	
53	ĐÀM THANH NGỌC	14/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	TDP 8 Đắc Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,9	15,3	
54	NGUYỄN HÀ NHI	05/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Bon Đắc Huýt, Xã Quảng Trục, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,9	15,2	
55	H' THÍ	04/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Nting, Xã Quảng Sơn, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,9	15,0	
56	VÀNG BÍCH NGỌC	21/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	Đắc Snao 2, Xã Quảng Sơn, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,8	16,3	
57	CHU THỊ HOÀI	04/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Tổ dân phố Nam Rạ, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,8	16,0	
58	LÝ VĨ QUANG	29/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	Thôn 24, Xã Nam Dong, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,8	15,4	
59	VI THỊ QUỲNH CHI	08/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn Nam Xuân, Xã Đắc Sắk, Tỉnh Lâm Đồng	22/02/2023	1,0	0	36,0	37,0	7,8	15,2	
60	HÀU THỊ MỸ LIÊN	27/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,8	14,9	
61	VŨ THỊ THƯƠNG THUẬN G	16/05/2009	Lâm Đồng	Nữ	H'Mông	TDP Đắc Tân, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,8	14,3	
62	THỊ NGUYỄN NGỌC NHI	11/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Bu P Răng II A, Xã Quảng Trục, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,7	14,2	
63	VI BẢO THI	22/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn 10, Xã Đắc Mil, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,7	13,3	
64	H' MẮN	09/10/2009	Lâm Đồng	Nữ	M' NÔNG	TDP 3 Đắc Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng	09/10/2009	1,0	0	36,0	37,0	7,7	13,0	
65	TRIỆU THỊ MẮN	18/08/2011	Đắk Lắk	Nữ	Dao	Bon Ding Plei, Xã Trường Xuân, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,6	16,1	
66	CHẢO THỊ MAI	02/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Dao	TDP 4 Đắc Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,6	14,8	
67	TRỊNH K' QUANG KHẢI	02/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	TDP Ting Wêl Đăng, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,6	14,8	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ nơi đăng ký thường trú *	Thời gian cư trú ở vùng quy định	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	ĐTB Lớp 9	Toán, Văn Lớp 9	Ghi chú
68	ĐÀM ANH TUẤN	03/03/2012	Lâm Đồng	Nam	Cao Lan	TDP 8 Đăk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng	28/03/2011	1,0	0	36,0	37,0	7,6	14,4	
69	ĐỒNG QUANG NGÀ	17/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	Xã Đăk Mil, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,6	14,2	
70	H DUN HY	18/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Đăk Găn, Xã Đăk Mil, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,6	13,6	
71	NÔNG HOÀNG ĐỨC MẠNH	11/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	TDP 3 Đăk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,5	14,9	
72	MÔNG THÀNH VINH	24/06/2011	Gia Lai	Nam	Nùng	Bon R Bút, Xã Quảng Sơn, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,5	14,6	
73	THỊ BẢO YẾN	30/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Mê Ra, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,5	14,6	
74	NGUYỄN NGỌC ÁNH	20/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Bon Sa Ú, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	01/01/2011	1,0	0	36,0	37,0	7,5	14,1	
75	H' HÀ	22/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	bon B'Tong, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,5	14,0	
76	H - HÀ VY	18/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Đăk Me, Xã Đăk Mil, Tỉnh Lâm Đồng	14/12/2011	1,0	0	36,0	37,0	7,5	13,3	
77	LƯƠNG THI HƯƠNG GIANG	19/05/2011	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Bon Dینگ Plei, Xã Trường Xuân, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,4	15,2	
78	H' TIM	25/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Sa Ú, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	28/10/2013	1,0	0	36,0	37,0	7,3	14,2	
79	THỊ HÒA	08/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon NDRong A, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng	08/02/2011	1,0	0	36,0	37,0	7,3	14,0	
80	LÙ THỊ HOA DUNG	30/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	Thôn 12, Xã Quảng Hòa, Tỉnh Lâm Đồng	18/10/2011	1,0	0	36,0	37,0	7,3	14,0	
81	LÂM THỊ ANH ĐÀO	15/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	Bon Sa ú, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	7,2	13,6	
82	H- DỊ	30/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Sarpa, Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng	30/10/2011	1,0	0	36,0	37,0	7,1	13,1	
83	H' SƠN	24/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Păng Suôi, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	24/01/2011	1,0	0	36,0	37,0	7,0	13,1	
84	H' MÂN	07/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Rơ Sông, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	14/10/2009	1,0	0	36,0	37,0	7,0	12,5	
85	SÀM KHÁNH DƯƠNG	28/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	TDP Kon Hao, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	36,0	37,0	6,8	12,2	
86	BÙI H'BẢO GHI	26/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	Thôn 3, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	26/05/2011	1,0	0	35,0	36,0	8,2	15,1	
87	VỪ THIÊN NGÀ	22/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	H'Mông	Tổ dân phố 5 Đăk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	35,0	36,0	8,1	16,0	
88	THỊ BÉ TY	15/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Me Ra, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	35,0	36,0	8,1	15,4	
89	PHAN THỊ TƯỜNG VY	14/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	TDP 7 Đăk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	35,0	36,0	8,0	16,5	
90	PHẠM THANH NHƯ QUỲNH	11/05/2011	Đồng Nai	Nữ	Kinh	Bon Bu Dă, Xã Quảng Trục, Tỉnh Lâm Đồng		0	0	36,0	36,0	8,0	16,7	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ nơi đăng ký thường trú *	Thời gian cư trú ở vùng quy định	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	ĐTB Lớp 9	Toán, Văn Lớp 9	Ghi chú
91	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	20/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng		0	0	36,0	36,0	7,9	16,3	
92	ĐINH THỊ MAI LAN	26/04/2011	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng		0	0	36,0	36,0	7,6	14,6	
93	LÝ HOÀNG THIÊN	15/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Dao	Thôn Thái học, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng	15/04/2011	1,0	0	34,0	35,0	8,0	14,1	
94	NGUYỄN THIÊN ĐƯƠNG	18/10/2010	Đắk Lắk	Nam	Kinh	Bon Păng Xuôi, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	18/10/2010	1,0	0	34,0	35,0	7,8	14,0	
95	HOÀNG THẾ ANH	23/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Tày	Thôn Nam Xuân, Xã Đăk Săk, Tỉnh Lâm Đồng	22/02/2023	1,0	0	34,0	35,0	7,8	14,4	
96	HỨA THỊ PHƯƠNG THỦY	09/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn Đông Sơn, Xã Đăk Săk, Tỉnh Lâm Đồng	22/02/2023	1,0	0	34,0	35,0	7,7	15,0	
97	NGUYỄN TẤN SANG	15/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	Thôn 7, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	03/01/2020	1,0	0	34,0	35,0	7,7	14,3	
98	HÀ THIÊN HẠNH	24/09/2011	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	Thôn Đăk Kual 5, Xã Đức An, Tỉnh Lâm Đồng	15/05/2015	1,0	0	34,0	35,0	7,7	15,0	
99	HỨA THỊ HẠNH	08/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Tổ dân phố 4 Đăk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	34,0	35,0	7,6	15,1	
100	HÔNG THỊ THU TƯỚC	17/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn Nam Xuân, Xã Đăk Săk, Tỉnh Lâm Đồng	22/02/2023	1,0	0	34,0	35,0	7,6	15,0	
101	MAI THỊ NGỌC ÁNH	20/03/2011	Ninh Bình	Nữ	Kinh	Bon Bu P Răng II A, Xã Quảng Trục, Tỉnh Lâm Đồng		0	0	35,0	35,0	7,6	15,9	
102	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	29/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	Bon Păng xuôi, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	01/01/2020	1,0	0	34,0	35,0	7,6	14,2	
103	H ÂN KNUL	09/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Ê-đê	Thôn 9, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng	09/02/2011	1,0	0	34,0	35,0	7,6	13,5	
104	H - HUỆ	17/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Ding Plei, Xã Trường Xuân, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	34,0	35,0	7,5	15,5	
105	K' NGỌC TƯỜNG	01/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Mạ	Bon B' Dong, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	01/03/2011	1,0	0	34,0	35,0	7,5	14,7	
106	PHẦN THỊ YẾN	20/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Dao	TDP 4 Đăk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	34,0	35,0	7,5	14,6	
107	NGUYỄN THỊ CẨM QUÝ	28/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	TDP 3 Đăk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	34,0	35,0	7,5	13,8	
108	K' ÂN	08/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Mạ	Bon Pang So, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	08/07/2011	1,0	0	34,0	35,0	7,5	12,4	
109	H' TÂN	01/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	01/02/2011	1,0	0	34,0	35,0	7,5	14,1	
110	Y JA WIN	06/09/2011	Lâm Đồng	Nam	M' Nong	bon bu boong, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	34,0	35,0	7,5	13,3	
111	NGUY BẢO KHANG	09/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	TDP 4 Đăk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	34,0	35,0	7,4	14,6	
112	MA THỊ ÁNH	15/04/2011	Đắk Lắk	Nữ	Tày	Thôn 7, Xã Quảng Hòa, Tỉnh Lâm Đồng	19/04/2011	1,0	0	34,0	35,0	7,3	13,3	
113	K' THỊ THÚY KIM	16/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	Bon Ka Nur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	34,0	35,0	7,3	14,1	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ nơi đăng ký thường trú *	Thời gian cư trú ở vùng quy định	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	ĐTB Lớp 9	Toán, Văn Lớp 9	Ghi chú
114	LỤC VĂN CHUÔNG	03/07/2011	Đắk Lắk	Nam	Tày	Thôn Đắk R Măng 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	01/01/2011	1,0	0	34,0	35,0	7,3	14,0	
115	ĐIỀU HOÀNG VƯƠNG	27/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	Bon Bu Păng I, Xã Quảng Trục, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	34,0	35,0	7,3	14,0	
116	VÀNG THỊ TUỜNG	26/07/2011	Lào Cai	Nữ	Hmông	Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	34,0	35,0	7,2	14,3	
117	PHÀNG THỊ XUÂN	23/04/2011	Son La	Nữ	Mông	Thôn Phú Vinh, Xã Quảng Phú, Tỉnh Lâm Đồng	12/04/2012	1,0	0	34,0	35,0	7,2	13,8	
118	H' UÔN	27/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	RCập, Xã Nâm Nung, Tỉnh Lâm Đồng	01/05/2015	1,0	0	34,0	35,0	7,1	12,4	
119	THÀO THỊ DUNG	05/12/2011	Lào Cai	Nữ	Mông	Thôn 5, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	05/08/2013	1,0	0	34,0	35,0	7,0	14,0	
120	H' DIM	01/10/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Sanar, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	01/10/2017	1,0	0	34,0	35,0	7,0	13,8	
121	HÀ CÔNG VINH	09/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Thái	Bon Sa Ú, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	16/04/2007	1,0	0	34,0	35,0	7,0	13,2	
122	VÀNG THỊ XUÂN	22/01/2011	Thái Nguyên	Nữ	Mông	Bản Tân Lập, Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	34,0	35,0	6,9	14,5	
123	ĐÀM MINH HẢI	08/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Cao Lan	TDP 8 Đắk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	34,0	35,0	6,9	13,3	
124	MÔNG THANH TUYỀN	04/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cao Lan	Bon Bu Dă, Xã Quảng Trục, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	34,0	35,0	6,8	13,0	
125	LÝ VĂN DOANH	17/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	Bon Bu Păh, Xã Trường Xuân, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	33,0	34,0	7,9	16,2	
126	BÙI HÀ BẢO TRÂM	24/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mường	thôn 2, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	24/07/2011	1,0	0	33,0	34,0	7,6	13,7	
127	Y - BÂM ÊYA	03/04/2011	Lâm Đồng	Nam	M nông	Bon Đắk Gắn, Xã Đắk Mil, Tỉnh Lâm Đồng	03/04/2011	1,0	0	33,0	34,0	7,3	13,8	
128	PHẦN VÀNG MÂY	22/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Dao	Tổ dân phố 4 Đắk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,9	15,9	
129	GIÀNG THỊ HÀ	27/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,9	15,4	
130	H' ĐON	29/12/2008	Lâm Đồng	Nữ	M' NÔNG	Bon Kon Hao, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng	29/12/2008	1,0	0	32,0	33,0	7,9	14,1	
131	BÙI THỊ ÁNH	01/01/2011	Đắk Lắk	Nữ	Mường	TDP Kon Hao, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,8	15,0	
132	HOÀNG THỊ MINH TUYẾT	17/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	TDP Đắk Tân, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,8	14,5	
133	LÃNG THỊ NGỌC HẰNG	21/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn Đông Sơn, Xã Đắk Sắk, Tỉnh Lâm Đồng	22/02/2023	1,0	0	32,0	33,0	7,6	15,0	
134	H' HIM	24/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	M' Nông	TDP Tinh Wel Đom, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,6	13,5	
135	LƯƠNG VĂN KHÔI	10/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	Thôn Nam Xuân, Xã Đắk Sắk, Tỉnh Lâm Đồng	22/02/2023	1,0	0	32,0	33,0	7,5	15,4	
136	THỊ ĐÔI	08/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Bu Dong, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,5	14,1	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ nơi đăng ký thường trú *	Thời gian cư trú ở vùng quy định	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	ĐTB Lớp 9	Toán, Văn Lớp 9	Ghi chú
137	Y. VẮN	08/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	TDP Kon Hao, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,5	13,3	
138	VŨ THỊ XOA	14/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	H'Mông	TDP 4 Đắk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,5	14,9	
139	MA HOA CHI	11/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mông	Thôn 1, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,5	14,6	
140	HẠNG A THẮNG	01/12/2010	Son La	Nam	Hmông	Phú Vinh, Xã Quảng Phú, Tỉnh Lâm Đồng	28/07/2011	1,0	0	32,0	33,0	7,5	14,5	
141	H'DÂN BUSIR	26/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	bon PhiGLê, Xã Quảng Sơn, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,5	14,2	
142	H' NGUYỄN THỊ THU ĐANG	11/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	TDP Phú Xuân, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,5	12,3	
143	ĐÀM SƠN TÙNG	16/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	TDP Đắk Tân, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,4	13,2	
144	HOÀNG THỊ NGỌC YẾN	01/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn Tây Sơn, Xã Đắk Sắk, Tỉnh Lâm Đồng	22/02/2023	1,0	0	32,0	33,0	7,4	15,0	
145	Y - VŨ VĂN GIA BẢO	01/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	Bon Bu Páih, Xã Trường Xuân, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,4	14,6	
146	THỊ HẰNG	07/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Bu Mlanh A, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,4	14,3	
147	K' HOÀNG ANH	14/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Mạ	TDP Ting Wel Đom, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng	14/09/2011	1,0	0	32,0	33,0	7,4	12,8	
148	Y - MIL - THÂN	20/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Mnông	Bon N'Jang Bơ, Xã Trường Xuân, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,3	14,5	
149	H' LOÁT	06/03/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	TDP Kon Hao, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,3	15,1	
150	GIÀNG THỊ HOA	14/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	H'Mông	Tổ dân phố Đắk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,3	13,9	
151	HOÀNG THANH CƯỜNG	16/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Nùng	Thôn Đông Sơn, Xã Đắk Sắk, Tỉnh Lâm Đồng	22/02/2023	1,0	0	32,0	33,0	7,2	14,3	
152	H' HANG	24/09/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	TDP Kon Hao, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,2	13,6	
153	LƯƠNG THÙY TRÂM	14/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	Thôn Sơn Hà, Xã Đắk Sắk, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,2	13,3	
154	H. OANH	12/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Đắk Krai, Xã Đắk Mil, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,2	13,1	
155	H. ĐIỂM	06/12/2009	Lâm Đồng	Nữ	M' Nong	TDP Ting Wel Đom, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng	28/01/2010	1,0	0	32,0	33,0	7,2	12,2	
156	LÊNH PHÚC SẮM	24/07/2011	TP. Đồng Nai	Nam	Hoa	TDP 8 Đắk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,2	14,1	
157	NÔNG THỊ HOÀI THU	25/08/2010	Lâm Đồng	Nữ	Tày	Bon Bu Prăng I, Xã Quảng Trục, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,2	13,4	
158	SÙNG A HỒ	18/12/2011	Lào Cai	Nam	H'Mông	Thôn Đắk R Măng 3, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	01/01/2021	1,0	0	32,0	33,0	7,2	13,3	
159	THẠCH THÁI GIA HUY	06/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Khơ me	TDP 3 Đắk Ha, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,1	13,0	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ nơi đăng ký thường trú *	Thời gian cư trú ở vùng quy định	Điểm UT	Điểm KK	Điểm học tập	Tổng điểm	ĐTB Lớp 9	Toán, Văn Lớp 9	Ghi chú	
160	SỖ HẰNG	NHI	29/08/2011	TP. Đồng Nai	Nữ	Hoa	Bon Sa Na, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	01/01/2016	1,0	0	32,0	33,0	7,0	11,5	
161	H' THỊ BÍCH	LOAN	05/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	TDP Tíng Wêl Đăng, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	7,0	13,7	
162	THẢO KIM	NGÂN	03/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	Thôn 5, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng	22/10/2025	1,0	0	32,0	33,0	6,9	13,8	
163	THỊ MÊ	DÔN	15/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Bu Mlanh A, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng	15/01/2011	1,0	0	32,0	33,0	6,9	13,1	
164	HẰNG THỊ	HIỀN	02/08/2011	Điện Biên	Nữ	Hmông	Xã Quảng Tân, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	32,0	33,0	6,9	13,8	
165	VI THI	NGỌC	02/04/2009	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Sa Ú, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	03/04/2011	1,0	0	32,0	33,0	6,8	13,0	
166	HOÀNG LÝ	LUẬN	25/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	Thôn 4, Xã Quảng Sơn, Tỉnh Lâm Đồng	13/07/2011	1,0	0	32,0	33,0	6,8	11,7	
167	H' KHẢI	HUYỀN	17/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	Bon B' Nor, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	17/11/2011	1,0	0	32,0	33,0	6,7	12,0	
168	H'	NGỆ	12/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Bon Sa Ú, Xã Tà Đùng, Tỉnh Lâm Đồng	27/02/2009	1,0	0	32,0	33,0	6,7	13,4	
169	H - THỊ	ĐÀO	04/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mnông	Xã Thuận An, Tỉnh Lâm Đồng	04/04/2011	1,0	0	32,0	33,0	6,6	12,3	
170	HOÀNG THỊ	LIA	16/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Hmông	Thôn 12, Xã Quảng Hòa, Tỉnh Lâm Đồng	06/06/2013	1,0	0	31,0	32,0	7,9	15,7	
171	H'	EL	29/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	Bon Phi Mur, Xã Quảng Khê, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	31,0	32,0	6,8	13,1	
172	HOÀNG GIA	LINH	06/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tày	TDP Nam Rạ, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng	10/09/2013	1,0	0	30,0	31,0	7,7	15,5	
173	HOÀNG THỊ	NGỌC	28/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	TDP Đắk Tân, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	30,0	31,0	7,7	13,8	
174	H'	HOÀI	24/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mạ	TDP N'R Jieng, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	30,0	31,0	7,7	13,4	
175	TRIỆU THỊ ĐAN	PHƯỢNG	14/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Dao	Tân Tiến, Phường Bắc Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng		1,0	0	30,0	31,0	7,6	14,5	

Danh sách này có 175 học sinh./.

DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN SINH CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Công nhận trúng tuyển học sinh, trong đó:

- Số HS tuyển thẳng: HS

- Số lớp: lớp; Sĩ số: HS/lớp

Lâm Đồng, ngày tháng năm.....